

Số: 6167/QĐ-ĐCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021
của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TW HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 1966/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ công văn số 1282/BTC-HCSN ngày 04/02/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021; công văn số 1410/BTC-HCSN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020; công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 30/03/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020; công văn số 4031/BTC-HCSN ngày 19/4/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021 (lần 2);

Xét đề nghị của Ban Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

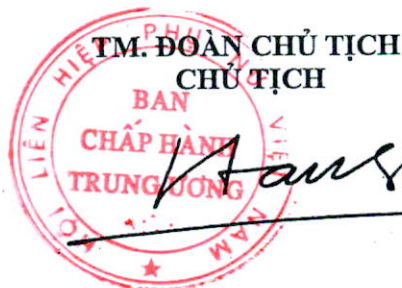
Điều 1. Công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT ĐCT (để báo cáo);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu VT, KHTC.



Hà Thị Nga

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHƯƠNG: 112

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số đơn vị có quan hệ với Ngân sách: 1059355

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 như sau (Có thuyết minh kèm theo):

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A	phí	1,000	20	2%	
1	Số thu phí, lệ phí	1,000	20	2%	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	1,000	20	2%	
2	Số thu nộp NSNN	100	2	2%	
	- Phí thăm quan Bảo tàng Phụ nữ VN	100	2	2%	
3	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	900	18	2%	
	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	900	18	2%	
	- Chi thường xuyên	900	18	2%	
B	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	102,850	33,435	33%	100%
I	Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	20,900	5,574	27%	
1	Kinh phí thường xuyên	6,870	3,303	48%	
	Khoản 092) Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 20 triệu đồng	1,870	757	40%	

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Khoản 081) Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 60 triệu đồng	5,000	2,546	51%	
2	Kinh phí không thường xuyên	14,030	2,271	16%	
2.1	Chi giáo dục đào tạo nghề Loại 070 - Khoản 092)	2,650		0%	
	<i>Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo ND 86/2015/ND-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ</i>	2,650	708	27%	
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070 - Khoản 081)	5,661	1,654	29%	
	<i>Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg</i>	1,351		0%	
	<i>Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo ND 86/2015/ND-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ</i>	2,541		0%	
	<i>Kinh phí hỗ trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013</i>				
	<i>Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001</i>				
	<i>Kinh phí sửa chữa tòa nhà 15 tầng và tòa nhà 3 tầng tại Học viện phụ nữ Việt Nam</i>	1,590		0%	
	<i>Kinh phí bảo trì, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam</i>	150		0%	
2.3	Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085)	560	65	12%	

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.4	Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083)	360	0	0%	
2.5	- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083)	4,800	552	12%	
II	Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103)	2,710	557	21%	
1	Kinh phí cho các hoạt động khoa học công nghệ khác (Chi thông tin, hội thảo, đoàn ra...)	1,000	310	31%	
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (Đề tài cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở)	1,710	247	14%	
		14,540	3,189	22%	
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
1	Kinh phí của Bảo tàng PNVN (Loại 160 - Khoản 161)	5,500	2,370	43%	
1.1	Kinh phí thường xuyên	4,000	945	24%	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	1,500	1,425	95%	
	Kinh phí hỗ trợ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ công tác trưng bày, bảo quản hiện vật của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam	775		0%	
	Kinh phí nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hiện vật trưng bày "Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII"; nghiên cứu, sưu tầm tài liệu về mẹ Việt Nam anh hùng; nghiên cứu, sưu tầm tài liệu Những cô gái vàng của thể thao Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng nội dung hoạt động giáo dục trên nền tảng công nghệ số, bảo quản chuyên sâu hiện vật kho	725		0%	
2	Kinh phí không thường xuyên: Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171)	300	0	0%	0

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ/không thường xuyên: Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171)	5,500	589	11%	
4	Kinh phí không thường xuyên: Kinh phí làm phim tài liệu về các nữ tù (Loại 160 - Khoản 161)	2,000	87	4%	
5	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171)	1,240	143	12%	
IV	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-Khoản 278)	2,300	870	38%	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>				
	Thông tin, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho Hội viên; Truyền thông thay đổi hành vi về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và triển khai phong trào chống rác thải nhựa cho phụ nữ trên phạm vi cả nước	2,300	870	38%	
V	Sự nghiệp kinh tế	450	60	13%	
	<i>Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ</i>				
	Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338)	450	60	13%	
VI	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Loại 340 - Khoản 361)	59,793	22,398	37%	
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	38,290	17,745	46%	
	Kinh phí thực hiện chi lương, các khoản theo lương	28,240	13,912	49%	
	Kinh phí chi quản lý hành chính theo định mức	9,000	3,683	41%	

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí cho các hoạt động đặc thù (chi thực hiện giám sát phản biện xã hội; Kinh phí chỉ đạo phong trào...)	1,050	150	14%	
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (được chuyển từ năm 2020 sang)	193	0	0%	
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	21,310	4,653	22%	
3.1	Kinh phí Đề án	17,000	2,949	17%	
	Đề án 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến Phụ nữ giai đoạn 2017-2027"	5,000	1,144	23%	
	Đề án 939 "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025"	10,000	1,737	17%	
	- Đề án "Trang tin điện tử phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài"	2,000	68	3%	
3.2	Kinh phí chuyên môn	4,310	1,704	40%	
	Kinh phí mua 01 xe ô tô (xe 05 chỗ màu đen)	820	0	0%	
	Kinh phí chi kỷ niệm chương, khen thưởng phong trào; Kinh phí hoạt động chuyên môn do các Ban phong trào làm đầu mối...	3,490	1,704	49%	
		2,350	787	33%	
VII	Sự nghiệp đảm bảo xã hội				
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ				
1	Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 (Loại 370 - Khoản 398)	350	160	46%	
2	Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh (Loại 370 - Khoản 398)	2,000	627	31%	
C	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	16,368	2,650	16%	100%
1	Dự án Tăng cường sinh kế và sự tham gia của phụ nữ để nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi với thiên tai và khí hậu tại Việt Nam	2,085		0%	
2	Dự án Hợp tác ngân hàng tiết kiệm nhằm phát triển mạng lưới tài chính vi mô khu vực Đông Dương và Myanmar	525	50	10%	

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm 2021 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Dự án Phụ nữ sử dụng năng lượng tái tạo để tăng khả năng thích ứng và tăng cường sinh kế chống chịu khí hậu	653	53	8%	
4	Dự án tăng cường năng lực của Việt Nam nhằm hỗ trợ tái hòa nhập bền vững cho phụ nữ di cư hồi hương và gia đình của họ	3,761	1,925	51%	
5	Khoản viện trợ cho tổ chức VVOB- Bì tài trợ	1,171	71	6%	
6	Dự án Cải thiện Vệ sinh và nước sạch dựa trên kết quả do phụ nữ làm chủ Woba (Choba giai đoạn III)	490	263	54%	
7	Dự án tự tin chính mình	2,099		0%	
8	Dự án Vì một thế giới đảm bảo quyền trẻ em và bình đẳng cho trẻ em gái, tập trung vào việc thúc đẩy hệ thống chăm sóc, giáo dục an toàn và thân thiện với trẻ em Lai Châu và Kon Tum - Việt Nam	3,194	199	6%	
9	Dự án tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam (dự án thành phần GCF)	873	89	10%	
10	Dự án nâng cao năng lực cho khoa Giới Học viện Phụ nữ Việt Nam	285		0%	
11	Hoạt động biên soạn 02 giáo trình giới trong kinh tế và quản trị; Giới trong chính sách công; xây dựng bài giảng trực tuyến “ Khởi nghiệp và phát triển cho doanh nghiệp nữ”	840		0%	
12	Dự án phát triển các tài liệu đào tạo về Giới trong biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ Rủi ro thiên tai cho Học viện Phụ nữ Việt Nam	392		0%	



HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM
2021 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

(Kèm theo Quyết định số 6167/QĐ-ĐCT ngày 14/7/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam)

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Quyết định số 1966/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, công văn số 1282/BTC-HCSN ngày 04/02/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021, công văn số 1410/BTC-HCSN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020, công văn số 3201/BTC-HCSN ngày 30/03/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên năm 2020, công văn số 4031/BTC-HCSN ngày 19/4/2021 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2021 (lần 2); Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán NSNN năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu năm 2021: 1.000 triệu đồng, đã giao cho Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, gồm:

- Phí thăm quan Bảo tàng: 1.000 triệu đồng
- Số thu nộp ngân sách nhà nước: 100 triệu đồng
- Số chi từ nguồn thu được để lại: 900 triệu đồng (chi thường xuyên)
- Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021: 20 triệu đồng

II. Dự toán chi thường xuyên được giao tính đến hết tháng 6 năm 2021 là: 102.850 triệu đồng, bao gồm dự toán được giao đầu năm 2021 là: 100.480 triệu đồng; dự toán được giao bổ sung 6 tháng đầu năm 2021 là 2.370 triệu đồng. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành quyết định phân bổ dự toán NSNN năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc như sau:

1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề: 20.900 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm là: 5.574 triệu đồng, gồm:

1.1. Kinh phí phân bổ cho Văn phòng TW Hội: 2.360 triệu đồng

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức trong nước (Loại 070 - Khoản 085): 560 triệu đồng

- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 1.800 triệu đồng

1.2. Kinh phí phân bổ cho Học viện Phụ nữ Việt Nam: 14.021 triệu đồng

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 081): 5.000 triệu đồng (Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các

khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 60 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ: 2.541 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số theo QĐ 66/2013/QĐ-TTg: 1.351 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013: 22 triệu đồng;

- Kinh phí trợ cấp xã hội đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001: 7 triệu đồng

- Kinh phí sửa chữa tòa nhà 15 tầng và tòa nhà 3 tầng tại Học viện phụ nữ Việt Nam: 1.590 triệu đồng;

- Kinh phí bảo trì, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam: 150 triệu đồng

- Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025" theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 070 - Khoản 083): 360 triệu đồng;

- Đề án "Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025" (Đề án 1893) (Loại 070 - Khoản 083): 3.000 triệu đồng

1.3. Kinh phí phân bổ cho Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 4.520 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thường xuyên (Loại 070 - Khoản 092): 1.870 triệu đồng (Trong đó tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2021 (không kể lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương là 20 triệu đồng);

- Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ: 2.650 triệu đồng.

2. Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103): 2.710 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 557 triệu đồng.

3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 14.540 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 3.189 triệu đồng; gồm:

3.1. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 6.300 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí của Bảo tàng PNVN (Loại 160-Khoản 161): 5.500 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 800 triệu đồng.

3.2. Nhà xuất bản Phụ nữ: 900 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đặt hàng xuất bản phẩm (Loại 160 - Khoản 171): 300 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 600 triệu đồng.

3.3. Báo Phụ nữ Việt Nam: 4.900 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 2.900 triệu đồng;

- Kinh phí làm phim tài liệu về các nữ tù (Loại 160 - Khoản 161): 2.000 triệu đồng.

3.4. Văn phòng TW Hội: 2.440 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo" theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ (Loại 160 - Khoản 171): 1.200 triệu đồng;

- Kinh phí cấp ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam không thu tiền cho các trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (Loại 160 - Khoản 171): 1.240 triệu đồng.

4. Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250- Khoản 278): 2.300 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 870 triệu đồng.

5. Sự nghiệp kinh tế: Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông (Loại 280 - Khoản 338): 450 triệu đồng, đã giao cho Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 60 triệu đồng.

6. Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 361): 59.600 triệu đồng; ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 22.398 triệu đồng; gồm:

6.1. Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 51.450 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 36.190 triệu đồng;

- Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: 15.260 triệu đồng.

6.2. Ban Công tác phía Nam: 2.500 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ: 2.100 triệu đồng;

- Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ: 400 triệu đồng.

6.3. Học viện Phụ nữ Việt Nam: 400 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.4. Trường Trung cấp Lê Thị Riêng: 300 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.5. Báo Phụ nữ Việt Nam: 3.450 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.6. Nhà xuất bản Phụ nữ: 200 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ)

6.7. Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 700 triệu đồng (Kinh phí giao không

thực hiện chế độ tự chủ)

6.8. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam: 600 triệu đồng (Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ).

7. Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370 - Khoản 398): 2.350 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021 là 787 triệu đồng, gồm:

- Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam: 350 triệu đồng (Kinh phí thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030)

- Trung tâm Phụ nữ và Phát triển: 2.000 triệu đồng (Kinh phí hỗ trợ mô hình ngôi nhà tạm lánh).

III. Nguồn vốn viện trợ:

- TW Hội LHPN Việt Nam đã giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 (đợt 1) nguồn chi hoạt động các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội (Vốn ngoài nước) với số tiền phân bổ: 16.368 triệu đồng cho 12 dự án, hoạt động.

- Trong 6 tháng đầu năm tình hình giải ngân sẽ có chậm do tình hình Covid-19 đã có 1 số dự án điều chỉnh thời gian,hoạt động, địa bàn cho phù hợp.